

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2020

V/v “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Chí Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Châu

2. Ông Trần Hữu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D xét xử công khai vụ án thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 17, ấp LH, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số Tổ 17, ấp LH, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Trần Thanh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm N tự nguyện chung sống từ năm 2003 có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2003 tại UBND xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc, thường xuyên gây gổ, từ đó anh thấy cuộc sống vợ chồng không hợp nhau nên không thể tiếp tục chung sống được nên yêu cầu ly hôn chị N.

Về con chung: Có 03 người Trần Thị Thanh H, sinh ngày 07/01/2004; Trần Thiện T; sinh ngày 05/3/2005 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 05/11/2011

hiện con đang sống anh. Nay vợ chồng ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc 03 con chung, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Cẩm N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng chị Nguyễn Thị Cẩm N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử; Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Trần Thanh T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Khoản 1 Điều 228 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ chối quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án này theo quy định tại điều 70, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Thanh T đối với chị Nguyễn Thị Cẩm N.

Về con chung: Giao anh T tiếp tục chăm sóc con chung Trần Thị Thanh H, Trần Thiện T và Trần Thị Thanh T, ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định pháp luật. Chị Nguyễn Thị Cẩm N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng chị N vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N là đúng theo quy định của pháp luật. Chị N phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung: Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị Cẩm N tự nguyện chung sống năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2003 tại UBND xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T và chị N bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn với nhau về tiền bạc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay nhưng anh và chị N vẫn không có giải pháp đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của

anh T đối với chị N là có căn cứ.

Về con chung: Giao 03 con chung Trần Thị Thanh H, sinh ngày 07/01/2004; Trần Thiện T; sinh ngày 05/3/2005 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 05/11/2011 cho anh Trần Thanh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Cẩm N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật.

[4]Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Thanh T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 53; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Khoản 4; Điều 147; Khoản 2; Điều 227; Khoản 1; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị Cẩm N.

2. Về con chung: Giao 03 con chung Trần Thị Thanh H, sinh ngày 07/01/2004; Trần Thiện T; sinh ngày 05/3/2005 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 05/11/2011 cho anh Trần Thanh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Cẩm N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu số 0004268 ngày 26/02/2020 (đã nộp xong).

Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị Cẩm N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- CC THA DS Huyện DMC,
- UBND xã T.
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Chí Quốc